

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện Lực Hà Tĩnh – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc.</p> <p>+ Địa chỉ: Đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh</p> <p>+ Điện thoại: 02392.210.633</p> <p>+ Fax: 02393.855.112</p> <p>+ Tài khoản: 3701899999999 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – CN Hà Tĩnh II</p> <p>+ MST: 0100100417-018</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: SCL ĐZ 35kV NR Thị trấn, NR Đức Thọ 17, 12, 3, 6, 13, NR Đức Yên 2, 3, 6, NR Đức Lâm 7, 8, NR Trung Lễ - Tân Hương, NR Tân Hương 5, NR Bùi Xá 1, NR Trung Lễ - Đức Dũng, NR Yên Hồ - Liên Minh thuộc ĐZ 373E18.2; ĐZ 22kV Trục chính, NR Đức Lạc 5 thuộc ĐZ 472E18.2, NR Tùng Ảnh - Thị trấn, NR Tùng Ảnh 14 thuộc ĐZ 474E18.2; SCL đường dây Các Nhánh rẽ Xuân An 8,12,15, Nhánh rẽ Nghi Xuân 2,3,5,9, các TBA Xuân An 4, 6, 9, Nghi Xuân 4 thuộc ĐZ 371E18.11, nhánh rẽ Xuân Hội 3, TBA Xuân Đan 2, TBA Xuân Hội 1 thuộc ĐZ 473E18.11, nhánh rẽ Xuân Yên 5 thuộc ĐZ 377E18.11; nhánh rẽ Xuân Lam 6, nhánh rẽ TBA Thủy Lợi, nhánh rẽ Xuân Lam 2, 3 thuộc ĐZ 374E18.11; SCL trục chính và các nhánh rẽ lộ ĐZ 375E18.7, 377E18.7, 371E18.7, 373E18.7, 474E18.2, 471E18.7, 472E18.7 và các TBA Sơn Lâm 5; Sơn Quang 6; Sơn Hồng 8; Sơn Bình 7; Sơn Trường 6,7; Thị Trấn 8; Sơn Diệm 7, 10; Tây Sơn 3; Quyết Thắng; Sơn Bằng 5,6; Sơn Trường 10,11; Sơn Bình 6, Sơn Tiến 1,8,9,10; Sơn Lễ 7,8,10,11,12,13; Sơn Mai 6; Sơn Thủy 12; SCL đường dây 35kV trục chính 371E18.2; NR TBA Đức Bồng 2, 5, 6; NR Đức Hương - Đức Liên; NR Đức Hương 1, 3; NR Đức Liên 1, 3; NR Đức Lĩnh; NR Đức Lĩnh 7; Nhánh rẽ Vũ Quang-Hương Sơn và các TBA Đức Bồng 2, 3, 4, 5, 6, 7; TBA Đức Hương 1, 2, 3, 6; TBA Đức Lĩnh 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8; TBA Vũ Quang 1, Hương Đại, Ga Đức Lạc.</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường Xã Đức Thọ, Xã Đức Đồng, Xã Đức Quang, Xã Đức Minh, Phường Bắc Hồng Lĩnh, Xã Nghi Xuân, Xã Tiên Điền, Xã Đan Hải, Xã Hương Sơn, Xã Sơn Tiến, Xã Kim Hoa, Xã Sơn Kim 2, Xã Sơn Hồng, Xã Tứ Mỹ, Xã Đức Đồng, Xã Vũ Quang, Xã Mai Hoa, Xã Thượng Đức - Tỉnh Hà Tĩnh và được xác định trong Bản vẽ số [đính kèm trong E-HSMT].</p>

E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày từ thời điểm Hợp đồng có hiệu lực
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Không - Tư vấn giám sát là: Giám sát A (tự giám sát theo QĐ của chủ đầu tư)
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: + E-HSMT; + E-HSDT của nhà thầu. + Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 7 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường

E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu... Phí bảo hiểm này được hạch toán vào chi phí của nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	<p>Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao chính thức vận hành thương mại.</p> <p>Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu của Bên A. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, có giá trị bằng 5% Giá trị hợp đồng cuối cùng.</p>
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: SCL ĐZ 35kV NR Thị trấn, NR Đức Thọ 17, 12, 3, 6, 13, NR Đức Yên 2, 3, 6, NR Đức Lâm 7, 8, NR Trung Lễ - Tân Hương, NR Tân Hương 5, NR Bùi Xá 1, NR Trung Lễ - Đức Dũng, NR Yên Hồ - Liên Minh thuộc ĐZ 373E18.2; ĐZ 22kV Trục chính, NR Đức Lạc 5 thuộc ĐZ 472E18.2, NR Tùng Ảnh - Thị trấn, NR Tùng Ảnh 14 thuộc ĐZ 474E18.2; SCL đường dây Các Nhánh rẽ Xuân An 8,12,15, Nhánh rẽ Nghi Xuân 2,3,5,9, các TBA Xuân An 4, 6, 9, Nghi Xuân 4 thuộc ĐZ 371E18.11, nhánh rẽ Xuân Hội 3, TBA Xuân Đan 2, TBA Xuân Hội 1 thuộc ĐZ 473E18.11, nhánh rẽ Xuân Yên 5 thuộc ĐZ 377E18.11; nhánh rẽ Xuân Lam 6, nhánh rẽ TBA Thủy Lợi, nhánh rẽ Xuân Lam 2, 3 thuộc ĐZ 374E18.11; SCL trục chính và các nhánh rẽ lộ ĐZ 375E18.7, 377E18.7, 371E18.7, 373E18.7, 474E18.2, 471E18.7, 472E18.7 và

	<p>các TBA Sơn Lâm 5; Sơn Quang 6; Sơn Hồng 8; Sơn Bình 7; Sơn Trường 6,7; Thị Trấn 8; Sơn Diệm 7, 10; Tây Sơn 3; Quyết Thắng; Sơn Bằng 5,6; Sơn Trường 10,11; Sơn Bình 6, Sơn Tiến 1,8,9,10; Sơn Lễ 7,8,10,11,12,13; Sơn Mai 6; Sơn Thủy 12; SCL đường dây 35kV trục chính 371E18.2; NR TBA Đức Bông 2, 5, 6; NR Đức Hương - Đức Liên; NR Đức Hương 1, 3; NR Đức Liên 1, 3; NR Đức Lĩnh; NR Đức Lĩnh 7; Nhánh rẽ Vũ Quang-Hương Sơn và các TBA Đức Bông 2, 3, 4, 5, 6, 7; TBA Đức Hương 1, 2, 3, 6; TBA Đức Lĩnh 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8; TBA Vũ Quang 1, Hương Đại, Ga Đức Lạc.</p>
E-ĐKC 24	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là Ngày ghi theo biên bản bàn giao mặt bằng sau khi nhà thầu được Chủ đầu tư bàn giao</p>
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án: Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo các hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Hà Tĩnh. - Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng tại Tòa án là Tiếng Việt. - Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. - Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí liên quan quá trình giải quyết tranh chấp.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công. - Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (kể cả ngày lễ và chủ nhật).
E-ĐKC 29.1	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 7 ngày/1 lần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 10% cho đợt thanh toán kế tiếp.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

	<p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Trường hợp lý do bất khả kháng về công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng hoặc vật tư thiết bị A cấp có trở ngại thì Chủ đầu tư và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chứng nhận xuất xứ hàng hóa do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất xứ ban hành (đối với VTTB nhập khẩu): 01 bản gốc, 03 bản sao y của bên B; + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của Nhà sản xuất: 01 bản gốc, 03 bản sao y của bên B; + Biên bản thí nghiệm của một cơ quan thí nghiệm độc lập: 01 bản gốc, 04 bản sao y bên B (nếu có); + Thông báo giao hàng: 04 bản gốc của bên B; + Bản vẽ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng của Nhà sản xuất: 01 gốc, 03 bản sao y của bên B; + Chứng chỉ bảo hành của Nhà sản xuất: 01 bản gốc, 03 bản sao y của bên B; + Chứng chỉ số lượng, chất lượng của Nhà sản xuất: 01 bản gốc, 03 bản sao y của bên B.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng: 02 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc + 02 bản sao y của ngân hàng phát hành hoặc công chứng + Bảo lãnh tiền tạm ứng: 01 bản gốc + 2 bản sao y của ngân hàng phát hành hoặc công chứng + Hồ sơ pháp lý liên quan <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p>

	<p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết khi thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>Thanh toán 90% giá trị khối lượng hoàn thành trước thuế và 100% thuế VAT trong vòng 14 ngày theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán (bao gồm cả giá trị tạm ứng), sau khi bên B cung cấp đủ các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị thanh toán: 06 bản gốc + Hóa đơn GTGT: 06 bản sao + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021: 06 bản gốc + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc + Các hồ sơ pháp lý liên quan.

	<p>Thanh toán 10% giá trị khối lượng hoàn thành trước thuế còn lại:</p> <p>+ 5% giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán có đại diện A, B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc; - Hồ sơ quyết toán giá trị có đại diện A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc; - Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành. <p>+ 5% còn lại được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 03 tháng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và hai bên thanh lý hợp đồng.</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Phù hợp với quy định của pháp luật.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 10% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt: 1. Đối với phần xây dựng:</p> <p>Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chậm tiến độ quá 10 ngày (không có lý do chính đáng và không được bên A chấp thuận) thì mức phạt chậm tiến độ là 0.5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 2% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến

	<p>2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 2% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt.</p> <p>2. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>3. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.</p> <p>4. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.</p> <p>5. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>6. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện họp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>7. Không quá 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán thì sẽ không được tham gia đấu thầu các các gói thầu mới do Bên A quản lý</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế</i></p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: Không áp dụng</p>
	<p>E. Kết thúc hợp đồng</p>

E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 15 ngày sau khi ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: Tổng số tiền giữ lại vì không nộp bản vẽ hoàn công vào ngày yêu cầu được tính bằng 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.